TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 374/2020/ DSST
Ngày: 28/9/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng Tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kính
2. Bà Nguyễn Thanh Vân

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Hồng Đào, thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 540/2019/TLST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, về việc :"Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2020/QĐST-DS ngày 09/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng ST.

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường C, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông M, sinh năm 1991.

Giấy uỷ quyền số 1873/2019/UQ-TTT ngày 24/10/2019.

(Vắng mặt)

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 154/220 đường DL, Phường B, Quận Y, Thành phố H.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông M trình bày: Ngày 14/10/2011 Ngân hàng ST phát hành hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-5495 cho ông T vay hạn mức 12.000.000 đồng, lãi suất 2,15%, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Ông T sử dụng thẻ nhưng không thanh toán đúng tiền gốc và lãi theo thỏa thuận mặc dù đã dược ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Ngày 26/10/2016 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/9/2020 ông Tcòn nợ Ngân hàng ST số tiền 11.516.274 đồng trong đó nợ gốc là 4.531.260 đồng, nợ lãi là 6.985.014 đồng

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn thiếu cả gốc và lãi và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/9/2020 theo hợp đồng thẻ tín dụng cho đến ngày bị đơn trả xong vốn và lãi.

Bị đơn ông T không đến Tòa nên không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử , thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

XÉT THẤY :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định :

[1].Về Tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng ST thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại Quận 8 nên theo qui định của các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông M.

[2].Về các yêu cầu của các đương sự:

Xét Ngân hàng ST và ông T có thỏa thuận về việc vay nợ tín dụng với hình thức sử dụng thẻ tín dụng. Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-5495 thì Ngân hàng ST cho ông T vay số tiền 12.000.000 đồng để sử dụng cá nhân, ông T đã sử dụng thẻ thì phải có trách nhiệm trả số tiền vay và lãi từng kỳ theo qui định.

Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Theo luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và bên vay có quyền thỏa thuận về lãi suất vay nên hợp đồng vay giữa Ngân hàng ST và ông T đúng qui định của pháp luật. Nghĩa vụ của bên

vay phải trả đủ tiền khi đến hạn nhưng ông Tkhông trả đúng hạn như vậy ông Tđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 23/01/2015 Ngân hàng STchấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn đối với ông T. Tính đến ngày 28/9/2020 ông T còn thiếu Ngân hàng ST số tiền 11.516.274 đồng trong đó nợ gốc là 4.531.260 đồng, nợ lãi là 6.985.014 đồng. Ông T đã được thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản đối chứng tỏ có việc vay nợ và thiếu nợ giữa ông T và Ngân hàng ST. Ông T đã được triệu tập đúng qui định nhưng cố ý vắng mặt khi Tòa án triệu tập xem như ông T đã tự mình từ chối thực hiện các quyền lợi hợp pháp, ông T phải tự gánh chịu mọi hậu quả pháp lý do việc vắng mặt của mình. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 Ngân hàng ST yêu cầu ông T phải trả toàn bộ số tiền còn thiếu cùng với tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là phù hợp nên chấp nhận. Tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án Nhân dân Tối cao qui định: "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận". Như vậy ông Tphải tiếp tục trả tiền lãi tính kể từ ngày 29/9/2020 cho Ngân hàng ST trên số nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn tại hợp đồng tín dụng số 472074-5495.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ; Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử :

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng ST:

Buộc ông T phải trả cho Ngân hàng ST số tiền 11.516.274 đồng trong đó nợ gốc là 4.531.260 đồng, nợ lãi là 6.985.014 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực Pháp luật.

Kể từ ngày 29/9/2020 cho đến khi thi hành án xong ông T còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 472074-5495 cho Ngân hàng ST.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu 575.813 (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm mười ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng ST không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0012681 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (…)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thúy Hòa